



Số:

/2022/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA.....KỲ HỌP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 14/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung mức chi tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, ra đề thi và tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi.

2. Nội dung, mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục và các mức giải thưởng; nội dung, mức chi tham gia hội khỏe phù đồng, giải điền kinh, thể dục thể thao học sinh cấp khu vực và toàn quốc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung, mức chi tổ

chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng được quy định tại Điều 1 của Nghị định này.

Điều 3. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ của các kỳ thi

1. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông thực hiện theo mục I, II, III, IV của Phụ lục I đính kèm.

2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, ra đề thi; tập huấn bồi dưỡng học sinh giỏi thực hiện theo mục V, VI của Phụ lục I đính kèm.

Điều 4. Nội dung, mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi trong ngành giáo dục và các mức giải thưởng

1. Nội dung, mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh của ngành giáo dục thực hiện theo mục I, II của Phụ lục II đính kèm.

2. Mức giải thưởng đối với các cuộc thi, hội thi của ngành giáo dục thực hiện theo mục III của Phụ lục II đính kèm.

3. Các cuộc thi, hội thi cấp huyện chỉ không cao hơn 70% mức chi của cấp tỉnh; các cuộc thi, hội thi cấp trường chỉ không cao hơn 50% mức chi của cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này của Nghị quyết.

4. Những nội dung, mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

5. Nội dung, mức chi tham gia hội khỏe phù đổng, giải điền kinh, thể dục thể thao học sinh cấp khu vực và toàn quốc thực hiện theo mục IV của Phụ lục II đính kèm.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí từ nguồn sự nghiệp giáo dục hằng năm. Kỳ thi cấp nào tổ chức thì ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí từ nguồn vận động, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức, cơ quan, đơn vị tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi có trách nhiệm dự toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa....., Kỳ họp thứ..... thông qua ngày.....tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày.... tháng.....năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- VP. Quốc hội (bộ phận phía Nam)
- Chính phủ;
- VP. Chính phủ;
- VP. Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, LĐTBXH, GDĐT;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Htđt: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH

Phụ lục I

QUY ĐỊNH MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP, KỲ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP, KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT; TIỀN CÔNG XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, RA ĐỀ THI VÀ TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)
I	KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Ban chỉ đạo thi		
	- Trưởng Ban	Người/ngày	550
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	450
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
2	Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	550
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày	500
	- Ủy viên	Người/ngày	450
3	Ban Thư ký Hội đồng thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	400
4	Ban in sao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	400
	- Công an, bảo vệ, thanh tra làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	300
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài (bao gồm nhân viên y tế, điện lực)	Người/ngày	150
5	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	400
	- Công an	Người/ngày	200
6	Ban coi thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
	- Trưởng điểm	Người/ngày	450
	- Phó Trưởng điểm	Người/ngày	400
	- Giám thị (cán bộ coi thi, cán bộ giám sát)	Người/ngày	350
	- Công an trực 24/24	Người/ngày	300
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ (bao gồm nhân viên y tế, điện lực)	Người/ngày	150
7	Ban làm phách bài thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
	- Công an, bảo vệ, thanh tra làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	300
	- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)
8	Ban chấm thi/chấm phúc khảo		
8.1	Chấm thi tự luận		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	400
	- Công bảo vệ 24/24	Người/ngày	300
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ (bao gồm nhân viên y tế, điện lực)	Người/ngày	150
	- Cán bộ chấm thi	Người/ngày	650
8.2	Ban chấm thi trắc nghiệm		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, kỹ thuật viên	Người/ngày	400
	- Thư ký, giám sát	Người/ngày	300
	- Công bảo vệ 24/24	Người/ngày	300
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ (bao gồm nhân viên y tế, điện lực)	Người/ngày	150
8.3	Ban xét tốt nghiệp		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	400
	- Thư ký	Người/ngày	300
9	Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi		
	- Trưởng đoàn	Người/ngày	450
	- Phó Trưởng đoàn	Người/ngày	400
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300
II	KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI (CẤP THCS VÀ THPT)		
1	Cấp tỉnh		
1.1.	Hội đồng thi	90% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
1.2.	Hội đồng/Ban ra đề, sao in đề thi, coi thi, chấm thi		
a)	Ra đề thi, sao in đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	400
	- Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	360
	- Công an, bảo vệ, thanh tra làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	270
	- Thư ký làm nhiệm vụ cách ly (vòng trong)	Người/ngày	360
	- Bảo vệ làm nhiệm vụ cách ly (vòng trong)	Người/ngày	270
	- Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày	270
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
b)	Coi thi, chấm thi	90% nội dung mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
2	Coi thi cấp quốc gia	90% nội dung mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
3	Thi học sinh giỏi cấp huyện, thị xã, thành Phố	Mức chi bằng 80% cấp tỉnh (mục 1.1 và mục 1.2 của II)	
4	Thi học sinh giỏi cấp trường	Mức chi bằng 60% cấp tỉnh (mục 1.1 và mục 1.2 của II)	
III	KỶ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP		
1	Thi tuyển		
1.1.	Hội đồng thi	75% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)
1.2.	Hội đồng/Ban ra đề, coi thi, chấm thi		
a)	Ra đề thi, sao in đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	375
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	340
	- Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	225
	- Công an, bảo vệ, thanh tra làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	230
	- Thư ký làm nhiệm vụ cách ly (vòng trong)	Người/ngày	300
	- Bảo vệ làm nhiệm vụ cách ly (vòng trong)	Người/ngày	230
	- Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày	230
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
b)	Vận chuyển đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	375
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	337
	- Ủy viên	Người/ngày	300
	- Công an, bảo vệ	Người/ngày	150
c)	Coi thi, chấm thi	75% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
2	Xét tuyển	60% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
IV	KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Hội đồng thi	75% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
2	Hội đồng/Ban đề thi và sao in đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	375
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	340
	- Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	300
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	150
3	Hội đồng/Ban coi thi, chấm thi	75% mức chi của kỳ thi tốt nghiệp THPT	
V	XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, RA ĐỀ THI		
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	Người/ngày	450
	- Thành viên (Ủy viên)	Người/ngày	400
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
2	Tiền công biên soạn đề trắc nghiệm (Thi thử tốt nghiệp, thi tuyển sinh đầu cấp, thi khảo sát chất lượng...)		
	- Soạn câu hỏi trắc nghiệm	Câu	25
	- Phản biện câu hỏi trắc nghiệm	Câu	12
	- Đề chính thức, đề dự bị	đề	600
	- Phản biện đề chính thức, phản biện đề dự bị	đề	420
3	Tiền công biên soạn đề tự luận		
	- Đề chính thức, đề dự bị	đề	600
	- Phản biện đề chính thức, phản biện đề dự bị	đề	420
4	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh		
	- Đề chính thức, đề dự bị	đề	1.000
	- Phản biện đề chính thức, phản biện đề dự bị	đề	500
VI	TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI		
1	Chủ nhiệm đội tuyển (Thời gian không quá 60 ngày)	Người/ngày/đội	100
2	Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi Quốc gia (không quá 200 tiết/đội)	Tiết	200
3	Bồi dưỡng đội dự tuyển học sinh giỏi Quốc gia, học sinh giỏi tỉnh (không quá 150 tiết/đội)	Tiết	160
4	Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi cấp huyện (không quá 150 tiết/đội)	Tiết	140
5	Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi cấp trường (không quá 150 tiết/đội)	Tiết	100

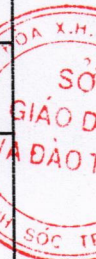
Phụ lục II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỶ CHỨC CÁC CUỘC THI, HỘI THI TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ CÁC MỨC GIẢI THƯỞNG; THAM GIA HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG, GIẢI ĐIỀN KINH, THỂ DỤC THỂ THAO HỌC SINH CẤP KHU VỰC VÀ TOÀN QUỐC



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)
I	CUỘC THI, HỘI THI (BÉ KHỎE, BÉ NGOAN, BÉ NĂNG KHIẾU THÔNG MINH, HÙNG BIỆN TIẾNG ANH, AN TOÀN GIAO THÔNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, VIẾT CHỮ ĐẸP, KHOA HỌC KỸ THUẬT, VĂN HAY-CHỮ TỐT...; GIẢI TOÁN TRÊN MÁY TÍNH CẢM TAY, NGHỀ PHỔ THÔNG, VĂN NGHỆ, HỘI THAO, ĐIỀN KINH ...) CẤP TỈNH		
1	Hội đồng thi/ Ban Tổ chức		
	- Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	300
	- Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	250
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	200
	- Giám khảo	Người/ngày	390
	- Thanh tra, giám sát	Người/ngày	180
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
2	Tiền nước uống cho các thành viên trong Hội đồng/ Ban tổ chức	Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
II	HỘI THI (CÁN BỘ QUẢN LÝ GIỎI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG; GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON; GIÁO VIÊN DẠY GIỎI, GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP GIỎI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG; GIÁO VIÊN LÀM TÔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH GIỎI...) CẤP TỈNH		
1	Ban Tổ chức/ Ban Giám khảo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	300
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	250
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	200
	- Giám khảo	Người/ngày	390
	- Thanh tra, giám sát	Người/ngày	180
	- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
2	Tiền nước uống cho các thành viên trong Ban Tổ chức/ Ban Giám khảo	Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
III	MỨC GIẢI THƯỞNG ĐỐI VỚI CÁC CUỘC THI, HỘI THI (Chưa kể giấy khen và khung)		
1	Giải toàn đoàn đạt thành tích nhất, nhì, ba (theo quy định của điều lệ)		
	- Giải nhất		3.000
	- Giải nhì		2.000
	- Giải ba		1.500
2	Giải tập thể/ đồng đội đạt thành tích nhất, nhì, ba (theo quy định của điều lệ)		
	- Giải nhất		2.700
	- Giải nhì		1.800
	- Giải ba		1.350
3	Giải cá nhân đạt thành tích nhất, nhì, ba (theo quy định của điều lệ)		
	- Giải nhất		2.400
	- Giải nhì		1.600
	- Giải ba		1.200



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)
IV	THAM GIA HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG, GIẢI ĐIỀN KINH, THỂ DỤC THỂ THAO HỌC SINH CẤP KHU VỰC VÀ TOÀN QUỐC		
1	Chi tập huấn, huấn luyện đội tuyển tham dự cấp khu vực và cấp toàn quốc		
a	Mức chi tiền ăn cho vận động viên trong những ngày huấn luyện, tập huấn	Người/ngày	104
b	Chi bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên, cán bộ phụ trách		
	- Mức chi cho huấn luyện viên tập luyện, thi đấu	Người/ngày	144
	- Mức chi cho cán bộ phụ trách trong thời gian tham gia thi đấu	Người/ngày	144
	- Mức chi bồi dưỡng vận động viên	Người/ngày	55
c	Tiền thuê nơi ở trong thời gian tập luyện, của học sinh trong đội tuyển và cán bộ, giáo viên dẫn đoàn (ở xa)	Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
d	Tiền xe tàu cán bộ, giáo viên dẫn đoàn và học sinh đội tuyển (ở xa)		
đ	Tiền nước		
e	Dụng cụ tập luyện	Thanh toán theo thực tế	
2	Chi tham gia thi đấu cấp khu vực, toàn quốc		
a	Mức chi tiền ăn cho vận động viên	Người/ngày	180
b	Tiền thuê phòng nghỉ	Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng	
c	Tiền nước		
d	Chi mua trang phục điều hành	Thanh toán theo thực tế	
đ	Chi mua trang phục thi đấu		
e	Các chi phí khác có liên quan (tiền tàu xe, khám sức khỏe, làm thẻ thi đấu, thuốc y tế, ...)		